

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lục Văn Chàng
- Ông Vàng Văn Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/ QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022.

1. Nguyên đơn: Anh Lâm Trùng K, năm sinh 1992

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị H, năm sinh 1998

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lâm Trùng K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Trùng K và chị Đặng Thị H tự nguyện kết hôn ngày 29/11/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp, chị H không muốn ở cùng với anh mà tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ của chị H tại thôn M, xã N, huyện B, anh đã nhiều lần gọi điện và tham gia để chị H về nhà để cùng anh xây dựng gia đình nhưng chị H không chịu về, hoặc có về thì được mấy ngày lại đi, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không có hạnh phúc. Anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay, trong thời gian đó

vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm giữa anh và chị H không còn và không thể hàn gắn được nên anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị H.

- Về con chung: Anh Lâm Trùng K và chị Đặng Thị H không có con chung nên anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của anh K về điều kiện kết hôn và hoàn cảnh chung sống giữa anh K và chị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau không chia sẻ được với nhau, trước khi kết hôn chị nói với anh K là chị chỉ còn mình mẹ nên chị sẽ đi lại giữa hai bên gia đình, nhưng anh K không thông cảm và chia sẻ với chị nên giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, chị vẫn còn tình cảm với anh K nhưng không hiểu sao anh K muốn ly hôn với chị. Nay anh K làm đơn xin ly hôn, chị không nhất trí ly hôn anh K, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được đoàn tụ.

- Về con chung: Anh Lâm Trùng K và chị Đặng Thị H không có con chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Lâm Trùng K được ly hôn với chị Đặng Thị H.

- Về con chung: Không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

4.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận

đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Trùng K và chị Đặng Thị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không còn tìm được tiếng nói chung, hiện anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn của anh K và chị H đã được gia đình động viên nhưng không thành, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Anh K xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng; chị H thừa nhận vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, nhưng tình cảm giữa chị và anh K vẫn còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống anh Lâm Trùng K và chị Đặng Thị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Lâm Trùng K phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lâm Trùng K và chị Đặng Thị H.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Lâm Trùng K phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003993 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Anh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã T;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương